

## CHỦ PHƯƠNG TIỆN, LÁI XE CẦN BIẾT

*Vehicle owners, drivers are to be aware of the followings:*

1. Khi tham gia giao thông phải mang theo Giấy chứng nhận kiểm định. Nộp lại Giấy chứng nhận kiểm định và Tem kiểm định khi có thông báo thu hồi của các Đơn vị đăng kiểm.

*When in traffic, drivers are requested to carry the certificate of inspection. Return certificate and inspection stamp when receiving a withdrawal notice from the Registration and Inspection Center.*

2. Lái xe khi lưu hành qua cầu, hầm đường bộ phải tuân thủ các biển báo hiệu đường bộ đặt trước công trình.

*When passing the bridges, road tunnels, drivers must comply with road warning signs put forward its.*

3. Thực hiện bảo dưỡng, sửa chữa nhằm duy trì tình trạng kỹ thuật của xe giữa hai kỳ kiểm định.

*Perform maintenance and/or repair to the good technical conditions of the vehicle between two consecutive inspections.*

4. Khi có thay đổi thông tin hành chính, thông số kỹ thuật phải đến Đơn vị đăng kiểm để được hướng dẫn làm thủ tục ghi nhận thay đổi.

*When roaming, transfer of vehicle ownership, renovation, modification of frame (chassis) or changing of engine No, ... the concerned Registration and Inspection Center (Vietnam Register) should be notified for instructions and the required procedures are to be followed.*

5. Xe cơ giới bị tai nạn giao thông đến mức không đảm bảo an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường theo quy định phải sửa chữa, khắc phục và đến Đơn vị đăng kiểm để kiểm định lại.

*A motor vehicle which is damaged by accident and the requirements for technical safety and environment protection are not assured, is to be repaired and brought for re-inspection at an Inspection Center.*

## BỘ GIAO THÔNG VẬN TẢI CỤC ĐĂNG KIỂM VIỆT NAM

MOT – Vietnam Register

### GIẤY CHỨNG NHẬN KIỂM ĐỊNH

AN TOÀN KỸ THUẬT VÀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG  
PHƯƠNG TIỆN GIAO THÔNG CƠ GIỚI ĐƯỜNG BỘ

PERIODICAL INSPECTION CERTIFICATE  
OF MOTOR VEHICLE FOR COMPLIANCE WITH TECHNICAL SAFETY  
AND ENVIRONMENTAL PROTECTION REQUIREMENTS

№: **KD 1757125**

# 1. PHƯƠNG TIỆN (VEHICLE)

Biển đăng ký: **21C-070.55**  
(Registration Number)

Số quản lý: 2101S-017909  
(Vehicle Inspection No.)

Loại phương tiện: (Type) ô tô tải (đông lạnh)

Nhãn hiệu: (Mark) ISUZU

Số loại: (Model code) QKR77HE4-QUYEN AUTO.DLAS3

Số máy: (Engine Number) 4G4182

Số khung: (Chassis Number) RLE1KR77HKV106177

Năm, Nước sản xuất: 2019, Việt Nam  
(Manufactured Year and Country)

Niên hạn SD: 2044  
(Lifetime limit to)

Kinh doanh vận tải (Commercial Use)  Cải tạo (Modification)

# 2. THÔNG SỐ KỸ THUẬT (SPECIFICATIONS)

Công thức bánh xe: 4x2 Vết bánh xe: 1385/1425 (mm)  
(Wheel Formula) (Wheel Tread)

Kích thước bao: (Overall Dimension) 6110 x 1870 x 2850 (mm)

Kích thước lòng thùng xe (Inside cargo container dimension)  
4220x1720x1770 (mm)

Chiều dài cơ sở: (Wheelbase) 3360 (mm)

Khối lượng bản thân: (Kerb mass) 2815 (kg)

Khối lượng hàng CC theo TK/CP TGGT: 2490/2490 (kg)  
(Design/Authorized pay load)

Khối lượng toàn bộ theo TK/CP TGGT: 5500/5500 (kg)  
(Design/Authorized total mass)

Khối lượng kéo theo TK/CP TGGT: (kg)  
(Design/Authorized towed mass)

Số người cho phép chở: 3 chỗ ngồi, 0 chỗ đứng, 0 chỗ nằm  
(Permissible No. of Pers Carried: seat, stood place, laying place)

Loại nhiên liệu: (Type of Fuel Used) Diesel

Thể tích làm việc của động cơ: (Engine Displacement) 2999 (cm<sup>3</sup>)

Công suất lớn nhất/tốc độ quay: (Max. output/rpm) 77(kW)/3200vph

Số sê-ri: (No.) **KD-1757125** 8786512313

Số lượng lốp, cỡ lốp/trục (Number of tires; Tire size/axle)

1: 2; 700-15

2: 4; 700-15



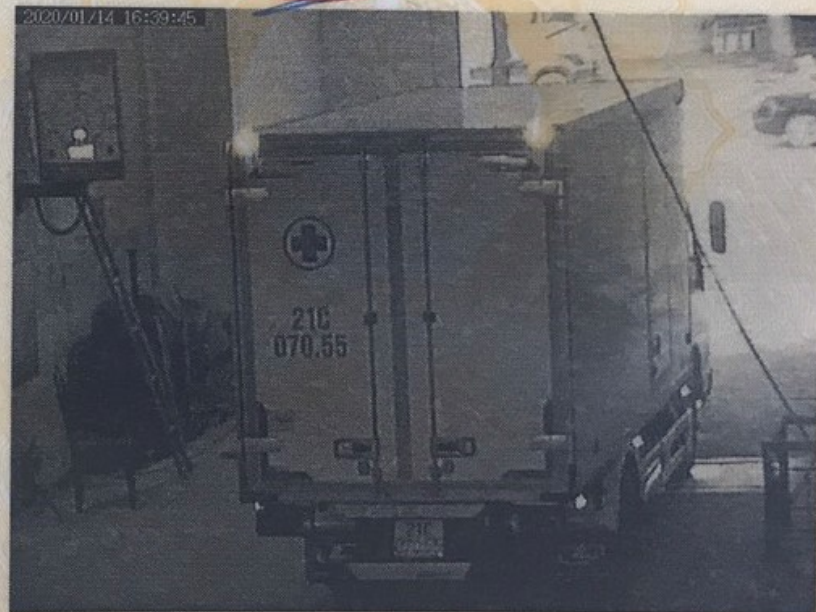
Số phiếu kiểm định (Issued on: Day/Month/Year)  
Yên Bái, ngày 14 tháng 1 năm 2020

(Inspection Report No) 2101S-00815/20

Có hiệu lực đến hết ngày  
(Valid until) **13/01/2022**



**ĐƠN VI KIỂM ĐỊNH**  
(INSPECTION CENTER)  
**GIÁM ĐỐC**  
*Lê Trường*



Có lắp thiết bị giám sát hành trình (Equipped with Tachograph)

Không cấp tem kiểm định (Inspection stamp was not issued)

Ghi chú: Biển đăng ký nền trắng